

SỔ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG T. SƠN LA

Số:.....	3952
ĐẾN Ngày:.....	3.4.18
Chuyển:.....	P.ĐVN

GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước; Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ Quy định phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước; Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước; Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước; Thông tư số 64/2017/TT-BTNMT ngày 22/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về xác định dòng chảy tối thiểu trên sông, suối và hạ lưu các hồ chứa, đập dâng;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt ngày 10/12/2017 của Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi I và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 247/TTr-STNMT ngày 27/3/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi I (địa chỉ: Số 48, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội) khai thác, sử dụng nước mặt với các nội dung sau:

1. Mục đích khai thác, sử dụng nước:

- Cung cấp nước tưới cho 1.450 ha đất nông nghiệp;

- Tạo nguồn cấp nước sinh hoạt cho 10.000 người dân tại cao nguyên Nà Sản;
- Cung cấp nước cho chăn nuôi với số lượng đàn gia súc hơn 10.000 con;
- Cung cấp nước cho thủy sản 30 ha;
- Tạo cảnh quan và môi trường sinh thái tích cực cho khu vực xây dựng.

2. Nguồn nước khai thác, sử dụng: Suối Nậm Dong và suối Nậm Mua là nhánh của suối Chiềng Mai; suối Chiềng Mai thuộc lưu vực suối Nậm Pàn là phụ lưu cấp 1 của suối Nậm Bú, phụ lưu cấp 2 của Sông Đà.

3. Vị trí khai thác: Tọa độ theo VN 2000 (kinh tuyến trực 104^0 , múi chiều 3^0):

- Đầu hồ Chiềng Dong: $X = 2344085$, $Y = 497078$.

- Đập bản Ban: $X = 2345590$, $Y = 497485$.

4. Lưu lượng khai thác, sử dụng:

- Tại hồ Chiềng Dong: $Q_{\max} = 1,3 \text{ m}^3/\text{s}$;

- Tại đập bản Ban: $Q_{\max} = 1,3 \text{ m}^3/\text{s}$.

5. Thời hạn khai thác: 10 năm (mười năm) tính từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi I:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Giấy phép này; nếu thay đổi nội dung quy định tại Giấy phép này phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.

2. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Luật Tài nguyên nước.

3. Bảo đảm duy trì dòng chảy thường xuyên, liên tục sau hồ Chiềng Dong và sau đập bản Ban; khi có yêu cầu nước gia tăng ở hạ du của UBND tỉnh Sơn La, chủ Dự án phải điều tiết hồ Chiềng Dong xả nước về hạ du theo yêu cầu.

Biện pháp duy trì dòng chảy tối thiểu:

- Tại đập Chiềng Dong: Xả qua cống lấy nước với độ mở đảm bảo giá trị dòng chảy tối thiểu không nhỏ hơn $0,082 \text{ m}^3/\text{s}$ hoặc theo nhu cầu khai thác, sử dụng của hạ du.

- Tại đập bản Ban: Chủ Dự án có trách nhiệm đề xuất cụ thể biện pháp duy trì dòng chảy tối thiểu không nhỏ hơn $0,175 \text{ m}^3/\text{s}$ khi Dự án hoàn thành đi vào vận hành đảm bảo các nhu cầu nước của khu vực hạ du.

4. Phối hợp chặt chẽ với đơn vị quản lý, vận hành các công trình thủy lợi phía hạ du để điều chỉnh chế độ vận hành cho phù hợp; đảm bảo đủ nước cấp cho các mục tiêu khai thác, sử dụng khu vực hạ du.

5. Xây dựng quy trình vận hành hồ chứa, kế hoạch điều tiết nước hằng năm theo quy định; bảo đảm vận hành công trình an toàn; xây dựng phương án đối phó với tình huống vỡ đập, các tình huống đe dọa nghiêm trọng đến an toàn công trình; có trách nhiệm hỗ trợ người dân địa phương nơi xây dựng công trình. Trường hợp sử

dụng mặt nước hồ chứa để nuôi trồng thủy sản, kinh doanh du lịch, giải trí thì phải được cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước chấp thuận bằng văn bản.

6. Bố trí thiết bị, nhân lực để thực hiện việc quan trắc, giám sát mực nước hồ, lắp đặt camera giám sát việc xả dòng chảy tối thiểu của công trình theo quy định tại Điều 9; quan trắc lưu lượng khai thác theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Thực hiện việc truyền thông tin, dữ liệu tới Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, kiểm tra, giám sát theo quy định.

7. Cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa và bàn giao mốc giới trước khi thực hiện việc tích nước hồ chứa theo quy định tại điểm a, khoản 5 Điều 12 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ.

8. Thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong Hồ sơ đề nghị cấp phép, chịu trách nhiệm trước pháp luật về những ảnh hưởng bất lợi của công trình đến xã hội và môi trường.

9. Sau khi Dự án đi vào hoạt động, căn cứ mục đích sử dụng nước thực tế, trường hợp có khai thác, sử dụng nước cho các hoạt động được quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ thì chủ Dự án phải nộp Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và nộp tiền theo quy định của pháp luật

10. Hằng năm (trước ngày 15/12), tổng hợp báo cáo UBND tỉnh Sơn La (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) về tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác, sử dụng.

11. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La.

Điều 3. Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi I được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1, Điều 43 Luật Tài nguyên nước và quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi I còn tiếp tục khai thác nước mặt như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./

Nơi nhận:

- TT tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Cục Quản lý Tài nguyên nước - Bộ TN&MT;
- Các sở TN&MT, NN&PTNT, TC;
- Cục thuế tỉnh;
- UBND huyện Mai Sơn;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- BQL Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi I;
- Trung tâm hành chính công tỉnh Sơn La;
- Lưu: VT - Hiệu 20 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Đức Hải